

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2020/DS-ST
Ngày 24-3-2020
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Việt Thắng.

Ông Huỳnh Văn Năm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Việt Xô – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời tham gia phiên tòa: Bà Phạm Huỳnh Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 132/2019/TLST-DS ngày 19 tháng 4 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2020/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị N, sinh năm 1974 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã KH, huyện TVT, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1963 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã KH, huyện TVT, tỉnh Cà Mau.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Nguyễn Trường A, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã KH, huyện TVT, tỉnh Cà Mau.

+ Anh Nguyễn Phúc S, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã KH, huyện TVT, tỉnh Cà Mau.

+ Chị Nguyễn PH T, sinh năm 1987 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã KH, huyện TVT, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn bà Lê Thị N trình bày:* Ngày 25/01/2018 bà Nguyễn Thị H cùng chồng là ông Nguyễn Văn Y vay của bà 50.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 4.000.000đ/tháng. Sau khi vay có trả cho bà được 04 tháng tiền lãi thì ngưng. Đến ngày 06/01/2019 ông Y chết. Do đó, bà kiện bà H đòi lại 50.000.000 đồng tiền vốn và 36.000.000 đồng tiền lãi.

Tại phiên tòa bà N yêu cầu bà Nguyễn Thị H trả 50.000.000 đồng. Đối với tiền lãi 36.000.000 đồng bà xin rút lại.

- *Bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:* Bà xác định nguyên đơn bà H trình bày trên là đúng, đây là số nợ chung của bà và ông Y. Bà và ông Nguyễn Văn Y chung sống vào tháng 02/2007 và có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống bà và ông Y không có con chung. Đến ngày 04/01/2019 ông Y chết, hàng thừa kế thứ nhất của ông Y gồm bà và các con riêng của ông Y tên Nguyễn Phúc S, Nguyễn Trường A và Nguyễn Phương T.

Tài sản còn lại của ông Y gồm nhà cấp 4, nhiều tài sản khác S hoạt trong gia đình, 27 công đất tầm nhỏ và đang tranh chấp chia thừa kế với anh Nguyễn Trường A. Nay nếu bà không được chia tài sản thì không đồng ý trả. Trường hợp bà được nhận 50% tài sản thì chấp nhận trả 50% nợ cho bà N; còn lại các con của ông Y ai nhận tài sản bao nhiêu thì sẽ trả nợ tương ứng.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Trường A và Nguyễn Phúc S trình bày:* Bà H chung sống với cha anh khoảng 10 năm nay không có con chung. Ngày 08/02/2019 ông Y chết thì hàng thừa kế thứ nhất của ông Y bao gồm 03 người con tên Nguyễn Phúc S, Nguyễn Trường A và Nguyễn Phương T. Sự việc bà N và bà H cho rằng cha anh có vay của bà N 50.000.000 đồng là không có, đây là số nợ riêng của bà H nên không đồng ý trả.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Phương T trình bày:* Việc bà N và bà H vay tiền với nhau chị không biết và xác định không có liên quan nên xin vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến nay là đúng quy định. Tuy nhiên, về thời hạn giải quyết vụ án Tòa án có vi phạm. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà H có nghĩa vụ trả cho bà N 50.000.000 đồng. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà N yêu cầu trả số tiền lãi bằng 36.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 02 để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vắng mặt không có lý do; Anh A, anh S và chị T vắng mặt có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà H, anh A, anh S và chị T là đúng quy định.

[2] Bà N và bà H trình bày phù hợp với nhau vào ngày 25/01/2018 bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn Y vay của bà N 50.000.000 đồng, lãi suất 4.000.000đ/tháng, đã trả lãi 04 tháng thì ngưng đến nay. Do ông Y chết nên giữa các đương sự và hàng thừa kế thứ nhất của ông Y chưa thống nhất với nhau ai phải chịu trách nhiệm trả số nợ này. Xét thấy, số nợ trên được bà H thừa nhận vay và do bà H trực tiếp làm biên nhận nợ cho bà N, do đó bà H phải có trách nhiệm trả nợ cho bà N là có cơ sở.

[3] Đối với yêu cầu của bà H yêu cầu hàng thừa kế thứ nhất của ông Y có trách nhiệm với số nợ trên thì thấy rằng: Hiện bà H kiện anh S và anh A để chia thừa kế di sản ông Y để lại có giá trị lớn hơn nhiều so với số nợ bà N khởi kiện đòi lại, nên chưa có cơ sở kết luận mỗi người được chia như thế nào. Hơn nữa, quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều không yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định chứng cứ bị đơn bà H đưa ra cho rằng là nợ chung với ông Y, do vậy không có cơ sở kết luận chứng cứ bà H đặt ra có phải đúng chữ viết của ông Y hay không để giải quyết yêu cầu của bà H cho phù hợp. Do đó, bà H có trách nhiệm trả số nợ này cho bà N và bà H có quyền khởi kiện hàng thừa kế thứ nhất của ông Y để chia lại số nợ bà phải trả cho bà N bằng vụ kiện dân sự khác là có căn cứ.

[4] Đối với yêu cầu của bà N xin rút lại tiền lãi 36.000.000 đồng. Xét yêu cầu của bà N là trên cơ sở tự nguyện nên được chấp nhận và Hội đồng xét xử đình chỉ là đúng theo Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Đề nghị của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là có căn cứ.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm, bà H phải chịu theo quy định pháp luật số tiền là 2.500.000 đồng (50.000.000đ x 5%). Bà N không phải chịu án phí nên được hoàn trả lại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, 3 Điều 228, Điều 244 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N. Buộc bà Nguyễn Thị H phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho bà Lê Thị N số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của bà N yêu cầu trả số tiền lãi suất bằng 36.000.000 đồng.

2. Kể từ ngày bà N có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bà H còn phải chịu khoản tiền lãi của số

tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Án phí dân sự sơ thẩm buộc bà Nguyễn Thị H phải chịu 2.500.000 đồng. Bà N không phải chịu án phí, hoàn trả lại cho bà N số tiền 2.150.000 đồng dự nộp tại biên lai số 0002984 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAD tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- CCTHADS huyện Trần Văn Thời;
- Đương sự;
- Lưu VP; Hồ sơ vụ án.

T/M: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Trần Quốc Kiên